

GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA TÍN HIỆU "BÀN TAY" TRONG THƠ XUÂN QUỲNH

Lê Thị Tuyết Hạnh

*Bộ môn Ngôn ngữ Văn hoá Việt Nam
Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội*

Trong đà phát triển chung của khoa học kỹ thuật hiện nay, lý thuyết ký hiệu, lý thuyết thông tin và sự vận dụng phát triển lý thuyết này như một hướng tiếp cận tác phẩm nghệ thuật nói chung và tác phẩm văn học nói riêng đã cung cấp một công cụ hiệu lực để mở ra một hướng quan sát mới các đối tượng vốn rất phong phú, đa dạng và phức tạp này.

Từ góc độ tín hiệu học, một trong những vấn đề đáng quan tâm là quan niệm của Pierce, cho rằng tín hiệu là một đơn vị hai mặt bao gồm một hình thức vật chất tự giác và một ý nghĩa - cái biểu hiện và cái được biểu hiện.

Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu. Trong tác phẩm văn học, nó không chỉ là phương tiện mà còn là chất liệu của văn học. Song do bị chi phối bởi quy luật sáng tạo nghệ thuật, đặc trưng thẩm mỹ của văn chương, ngôn ngữ trong văn học không bao giờ chỉ dừng lại ở phạm vi tái tạo hiện thực mà phải là một khái quát nghệ thuật về một tư tưởng, một ý nghĩa nào đó của người nghệ sỹ. Như vậy là trong văn học tồn tại một loại tín hiệu ngôn ngữ mà cả mặt biểu hiện lẫn mặt được biểu hiện (hình thức và nội dung) của nó lại trở thành hình thức biểu hiện cho một nội dung khác cao hơn, mang ý nghĩa khái quát nghệ thuật, giá trị thẩm mỹ. Những tín hiệu "thứ cấp" này luôn tìm thấy nơi ký thác của mình trong văn học và ngược lại, chính nó trở thành nguồn nuôi dưỡng, chứa đựng sức sống và linh hồn của tác phẩm văn học. Bởi có tác phẩm nào, nhà văn nào xây dựng hình tượng để rồi đó chỉ là sự tái tạo chính hình ảnh khách quan của nó trong cuộc sống đâu?

Việc nghiên cứu các tín hiệu "đặc biệt" bằng những thao tác phân tích ngữ nghĩa học, xác lập quan hệ ngữ nghĩa chỉ ra sự hình thành tồn tại và giá trị, chức năng của chúng chính là góp cho phân tích, phê bình văn học một cơ sở đáng tin cậy, một căn cứ vững vàng. Đó cũng là con đường chúng tôi tiếp cận thơ Xuân Quỳnh, từ một lăng kính nhỏ - một hình ảnh quen thuộc trong thơ chị - từ chỉ bộ phận cơ thể "bàn tay".

Trước hết phải nói đến sự xuất hiện với tần suất đáng kể của những tín hiệu này trong thơ Xuân Quỳnh: 37 lần/40 bài. Có khi nằm rải rác trong nhiều bài như một hình tượng ở cấp độ từ, câu, có khi là hình tượng của toàn bài ("Bàn tay em").

"Bàn tay" theo từ điển tiếng Việt, được giải thích là "bộ phận phía trên của cơ thể người, từ vai đến các ngón, dùng để cầm, nắm, thường được coi là biểu tượng cụ thể của lao động con người, biểu tượng của sự lao động chân tay có tính sáng tạo của con người". Bình thường với ý nghĩa này, trong thơ Xuân Quỳnh chỉ được dùng rất hãn hữu (3 lần - 8% tổng số lần xuất hiện). Còn lại, nó có xu hướng mang nghĩa phái sinh, nghĩa tiềm năng được "hiện thực hoá" trong từng văn cảnh, mà ở đó một trong những nét nghĩa ban đầu của nó trở thành cơ sở phát triển cho những nghĩa phái sinh và ý nghĩa biểu trưng nghệ thuật (0,2%). Có lẽ vì vậy mà "bàn tay" trong thơ Xuân Quỳnh đọng lại trong tâm trí người đọc như một ám ảnh và phải chăng đó chính là một tấm ảnh tư tưởng cảm xúc, ám ảnh nghệ thuật - với chính nhà thơ.

Suy nghĩ về bàn tay thực của mình, Xuân Quỳnh thường có mặc cảm về sự xấu xí, thô vụng của nó. Nói đến bàn tay phụ nữ, các thi nhân xưa và nay đều chú ý khai thác vẻ đẹp hình thể "bàn tay em đẹp, ngón ngón thon" (Huy Cận).

Nhưng bàn tay với nghĩa quy chiếu biểu vật ở Xuân Quỳnh không có cái xinh đẹp của hình thể, cũng không có cái duyên dáng, khéo léo của khả năng bẩm sinh. Có thể vì thế chăng mà chị thường có xu hướng đi tìm vẻ đẹp cho "bàn tay" theo một thang giá trị khác. Người phụ nữ này coi tình yêu là vốn quý nhất trong cuộc sống, vì vậy mà chị đã tìm giá trị cho "bàn tay" ở đó: bàn tay là biểu tượng cho tâm hồn, tình yêu!

Nghĩa biểu trưng này có lý do liên hội của nó nằm ở mối quan hệ đặc biệt của bàn tay trong hiện thực đời sống vật chất và tình cảm con người. Bàn tay với chức năng là bộ phận chi trên của con người đóng

một vị trí quan trọng nếu không nói là tuyệt đối trong hoạt động cụ thể của con người. Bàn tay còn được dùng như một phương tiện giao tiếp trong đời sống xã hội, trong ngôn ngữ và đôi khi thay thế cho ngôn ngữ. Tâm lý chung của các dân tộc đều coi sự tiếp xúc với bàn tay là biểu hiện thân mật, gần gũi, tin cậy, một cử chỉ văn hoá và tình cảm.

Vậy thì việc coi "bàn tay" như một phương tiện, biểu tượng của tình yêu trong thơ tình Xuân Quỳnh cũng là một sự tiếp nối truyền thống ấy, nằm trong cái nôi tâm lý - văn hoá dân tộc - nhân loại. Nhưng không thể phủ nhận ở Xuân Quỳnh, nó được thể hiện với những nét riêng, mang dấu ấn thời đại, dấu ấn cá nhân rõ rệt mà bằng cố là những nét nghĩa mới mẻ được thực tại hoá trong một loạt trường hợp sử dụng như kết quả của một lối tư duy và xúc cảm.

Trước hết "bàn tay" trong thơ Xuân Quỳnh trở thành một giá trị "người thừa hành của tình yêu với chức năng hiến dâng, trao tặng. Loại tín hiệu này xuất hiện với một tần suất khá cao - 469 trong tổng số lần xuất hiện có lẽ vì nó gần gũi hơn với tính cách Xuân Quỳnh với quan niệm về hạnh phúc và tình yêu của Xuân Quỳnh: khao khát được chở che, vun đắp, xây dựng và gìn giữ.

"Bàn tay" trong thơ tình Xuân Quỳnh trước hết cũng là bàn tay gắn liền với chức năng lao động, là một biểu tượng lao động cụ thể của con người. Thông thường, nó gắn liền với những cử chỉ hành động chăm sóc, xây dựng, vun vén - những lao động gia đình gắn với thiên chức của người phụ nữ - người vợ, người mẹ, người yêu nữa:

Trong tay anh, tay của em đây

Biết lặng lẽ vun trồng, gìn giữ

Trời mưa lạnh tay em khép cửa

Em phơi mền, vá áo cho anh

Tay cắm hoa, tay để treo tranh

Tay thấp sáng ngọn đèn đêm anh đọc"

Ý nghĩa chức năng này càng được xác định trong tương quan với những từ phụ trợ trong ngữ cảnh, những tín hiệu lân cận trong bài, "tay" ở đây xuất hiện với một mật độ dày đặc, được nhắc đi nhắc lại trong suốt trục dọc của đoạn thơ, đủ sức trở thành một ám ảnh và ấn tượng.

Nó có một kết luận nhất quán trong quan hệ ngang với một loạt từ chỉ hành động cụ thể mang tính chất nữ tính, hành động chăm chút gia đình và thể hiện sự yêu thương, "vun trồng", "gìn giữ" "khép cửa", "phơi mền", "vá áo", "cắm hoa", "thắp sáng", "xoá dịu", và "góp nhặt"... Có thể dễ dàng hình dung qua đó gương mặt người đàn bà tảo tần, thu vén, siêng năng, chu đáo và nhân hậu qua hệ thống các động từ thực hiện bởi chủ thể "bàn tay" ấy - người đàn bà kiểu bà Tú, Châu Long. Trong truyền thống người đàn bà gắn liền với tổ ấm gia đình. Ở Xuân Quỳnh cũng có bóng dáng người đàn bà từ xa xưa ấy, người đàn bà nhường nhịn, lo toan, hy sinh, nhẫn nại, tự nhận về mình những bổn phận:

Chàng ơi đưa túi thiệp mang

Đưa gươm thiệp vác cho chàng đi không.

(Ca dao)

Loại trừ chuyện lễ giáo phương đông khắc nghiệt, loại trừ tư tưởng gia trưởng "khinh nữ, trọng nam", ở đây là một sự gánh vác vị tha, tự nguyện xuất phát từ tình cảm yêu thương, yêu đến quên mình như một lẽ đương nhiên.

Thực ra, dù vậy, cũng khó mà quy các động từ nói trên vào cùng một trường nghĩa nào cho rõ ràng. Những hoạt động cụ thể của tay ư? Hay những hành động hữu ích cho gia đình? Nhưng nếu vậy thì phải kể thêm: quét dọn, lau chùi, giũ đập, giặt, rửa, nhổ cỏ, bắt sâu... chẳng hạn. Vậy mà không có một động từ nào chỉ hành động tương tự như thế xuất hiện trong chuỗi ngữ lưu của đoạn, mặc dù đó cũng là những hành động cụ thể mang nữ tính, phù hợp với chức năng của người phụ nữ trong gia đình và rõ ràng là có ích có tác dụng cho sự xây dựng, gìn giữ. Không thể phủ nhận có một sự đối lập giữa hai hệ thống từ chỉ hoạt động của tay gắn với chức năng của người phụ nữ trong gia đình này. Có một tính chất, một nét nghĩa nào đó chung cho tất cả những từ: gìn giữ, vun trồng, phơi, vá, cắm, treo, xoá, góp nhặt nói trên, đồng nhất chúng trong một hệ thống riêng của mình. Đó là những cử chỉ chăm chút tạo dựng một cách nâng niu, gượng nhẹ của bàn tay theo hướng "tích cực" đến những đối tượng "tích cực" - đáng được tôn quý, giữ gìn. Những bổ ngữ đối tượng trong ngữ đoạn cũng góp phần xác nhận thêm điều đó "cửa", "mền", "áo" (của anh), "hoa", "tranh", "ngọn đèn" (anh đọc) "vàng trán",

"niềm vui" (của anh). Với những đối tượng như thế không thể nào áp dụng những hành động "giặt, rửa, lau, chùi, giũ đập" được, dấu rằng mục đích cuối cùng của nó cũng là giữ gìn, che chở. Hệ thống những động từ mà Xuân Quỳnh dùng trong ngữ cảnh trên thiên về những hành động tạo dựng, nhân lên những điều tốt đẹp. Và tất cả đều gắn với "anh", dù được thể hiện ra hiển ngôn hay ở dạng hàm ngôn, trong liên hệ gần hay liên hệ xa của chuỗi ngữ lưu. Anh trở thành cái đích đồng quy của mọi việc làm của "bàn tay em". Anh là động cơ thúc đẩy của mọi hành vi gìn giữ, che chở, dựng xây trên, là "trời xanh của riêng em", vì anh, vì tình yêu mà làm tất cả một cách quên mình tự nguyện.

Một điều không thể bỏ qua khi xét đến các yếu tố ngôn ngữ khác xung quanh tín hiệu trong ngữ cảnh. Đó là dường như có sự đối lập giữa hai loại lao động có cùng chủ thể là "bàn tay". "Tay", "khép cửa", "cắm hoa", "treo tranh", "thắp đèn" là những kết hợp hết sức tự nhiên thường tình trong cuộc sống. Nhưng còn bàn tay "xoa dịu nỗi đau" và "góp nhặt niềm vui từ mọi ngã", bàn tay "biết nhớ" là một bàn tay trong một kết hợp không bình thường, vượt ra ngoài logic tự nhiên. "Bàn tay" trong chức năng định danh của nó không còn phù hợp với đối tượng của các hành động nói trên, không đủ sức thực hiện những hành vi mà bàn tay thực của con người không làm nổi. "Bàn tay" ở đây đã phải chịu một quá trình phi định danh hoá, rời xa ý nghĩa từ nguyên của mình. "Bàn tay" đó có một sự chuyển đổi về chất lượng. "Bàn tay" với ý nghĩa thực của nó chỉ còn là một hình thức thể hiện, là cái hình hài "nhìn thấy được" cho bàn tay trừu tượng sau đây. Và để cho sự "hoá thân" được nhẹ nhàng nó phải tự rút bớt hành trang của mình. "Bàn tay" đã rời bỏ tính chất cụ thể của nó với những lao động "cắm, sờ, nắm" trong từ điển, và chỉ giữ lại đặc trưng trong nét nghĩa xây dựng chỗ che, chăm chút, giữ gìn..., sự cố gắng quên mình, tận tụy vô điều kiện đối với người tình và với tình yêu. Bên cạnh đó nó được gia tăng thêm nét nghĩa nằm trong tính chất của những yếu tố tinh thần: "Biết lặng lẽ vun trồng, gìn giữ" và "biết nhớ". Trước tất cả các hoạt động "khép cửa", "phơi mền", "vá áo", "treo tranh", "góp nhặt" là một động từ ngữ vi đặc trưng của chủ thể con người: "biết". Động từ đó được hàm ẩn trong cấu trúc của tất cả các câu sau. "Biết" không chỉ là khả năng về một điều gì đó mà còn có ý nghĩa là

một sự ý thức nữa. Ngược lên chút nữa trong chuỗi ngữ lưu ta bắt gặp thời điểm khiến cho bàn tay trở nên "biết" những điều như vậy:

"Đường tít tấp, không gian như bé"

Anh chờ em, cho em vịn bàn tay"

Khi "bàn tay" không còn là một thực thể tách rời, bàn tay trở thành dấu hiệu của sự gắn bó: "trong tay anh, tay của em đây", thì chính vì điều ấy, vì sự gắn bó của tình yêu, mà bàn tay có thể "biết" mọi điều, có thể làm tất cả:

Khi anh vịn bàn tay em biết nhớ

Lấy thời gian đan thành áo mong chờ...

Sự "chệch" khỏi logic thông thường này chỉ có thể được thực hiện trong một môi trường không thông thường, môi trường cảm xúc và đặt trong logic của cảm xúc, vì "trái tim có lẽ phải của nó mà lý trí không hiểu nổi". Tất cả được thực hiện trong áp lực tự nhiên của tình yêu, là những hành động để xoá đi sự ngăn cách về không gian và thời gian để tăng thêm sự gắn bó của tình yêu, giữa "anh" và "em". Hệ thống cảm xúc ở tác giả rõ ràng có tác dụng cộng hưởng rất lớn, trở thành một nhan đề tích cực trong việc gia tăng và tạo nghĩa cho tín hiệu, là môi trường thích hợp cho việc hiện thực hoá nét nghĩa biểu trưng này của nó.

Mối quan hệ giữa tín hiệu thẩm mỹ và hệ thống cảm xúc của tác giả là mối quan hệ logic biện chứng. Xuất phát từ động cơ yêu thương mà đôi tay trở thành phương tiện biểu đạt đặc dụng. Vì là tình yêu của người phụ nữ có chuẩn mực tình yêu "gắn với sự duy nhất, sự chung tình, với tổ ấm, với mái nhà, với hạnh phúc của hôn nhân", "in dấu nếp cảm, nếp nghĩ của tâm hồn người Việt từ xa xưa", nên đôi tay thể hiện tình yêu ấy luôn gắn với những hành động đầy nữ tính thuộc về thiên chức người phụ nữ trong gia đình: tạo dựng, chở che, vun vén, săn sóc, giữ gìn từng tí, từng ly một cách say mê và hạnh phúc. Nhưng cũng chính nhờ sự cộng hưởng của môi trường cảm xúc, của tình yêu mà tay trong trong thơ Xuân Quỳnh đã thực hiện được sự "hoá thân" qua quá trình "phi định danh hoá" để trở thành một tín hiệu thẩm mỹ trong ý nghĩa biểu trưng: người thừa hành của tình yêu với sự hiến dâng trao tặng quên mình. Cả bài thơ dài "Bàn tay em" không có một từ "yêu

thương" nào, và thơ tình Xuân Quỳnh ít dùng những hình dung từ chỉ tình cảm trực tiếp ấy, vậy mà bài thơ vẫn toát lên một tình yêu thật nồng nàn, thật đắm thắm và sâu nặng. Ngôn ngữ của trái tim đã được mã hoá vào ngôn ngữ của bàn tay. Bàn tay - tình yêu là bàn tay có sức mạnh của phép màu kỳ diệu. Chính vì vậy mà nó trở thành một giá trị, một sản phẩm được tạo thành bởi chính tình yêu, đồng thời cũng là người thừa hành hữu hiệu của tình yêu. Cũng vì vậy mà Xuân Quỳnh khiêm nhường song vẫn rất tự tin đến với tình yêu, ký thác cho tình yêu gia tài - bàn tay của mình như một bảo vật, một thứ của hồi môn, như cô gái nghèo có ba hạt dẻ, như cô Tấm với con cá bống diệu kỳ, như Thạch Sanh với tiếng đàn huyền nhiệm.

Một lý do liên hệ nữa cho sự hình thành tín hiệu xuất phát từ hoàn cảnh rộng từ quan niệm tình yêu của Xuân Quỳnh. Tình yêu không phải là trái quả thơm ngon sẵn có mà là kết quả của một quá trình, là sản phẩm của lao động dựng xây, vun đắp... Nó không phải là một tạo vật bất di bất dịch mà biến hoá khôn lường. Tình yêu như sự sống. Chính vì vậy mà Xuân Quỳnh luôn có ý thức làm công việc ấy. Mà còn gì có thể giúp người ta chăm chút và tạo dựng hơn bằng chính bàn tay của mình. Bàn tay lao động cũng chính là bàn tay xây dựng tình yêu. Không phải một lần Xuân Quỳnh nhắc đến bàn tay vun xới ấy. Tình yêu đối với chị không phải là mùa lúa chín mà chỉ là xá cày mới vỡ :

Nâu một vùng đất mới

Đợi tay người gieo trồng"

Là người có trực giác nhạy bén và cảm quan hiện thực sâu sắc, sớm từng trải và già dặn, chị không hề ảo tưởng, chị hiểu rằng con đường đến với tình yêu là con đường của sóng, rằng tình yêu không chỉ có ngọt bùi.

Và cũng có lý do ở trong cách cảm xúc, cách yêu đương của nhà thơ nữa. Với Xuân Quỳnh, tình yêu còn là sự quên mình, là khao khát được hy sinh hết lòng vì người yêu nữa, là phải làm một điều gì có ích, đem lại hạnh phúc, tốt lành cho người mình quý, mình yêu. Tình yêu làm cho người ta mạnh mẽ, tự tin hơn. Tình yêu đánh thức ở con người năng lực dồi dào và khát khao sáng tạo. Chính ở đây đã khẳng định bản lĩnh thơ Xuân Quỳnh cũng như bản lĩnh con người chị. Xuân Quỳnh là

con người suốt đời khao khát và biết phấn đấu cho những khát khao của mình, là một tính cách không đầu hàng số phận mà trái lại, chị biết đứng cao hơn những trở trêu của cuộc đời. Chính điều đó đã trở thành nguồn thi hiệu, cảm xúc cho thơ chị.

Đôi bàn tay gian truân, đôi bàn tay chai thô vụng, đôi bàn tay không có vẻ đẹp của hình thể của chị lại trở thành một chất liệu trong thơ, thậm chí là một tín hiệu mang giá trị thẩm mỹ - biểu tượng của tình yêu, cũng như trong cuộc đời nó đã tìm ra được vẻ đẹp của mình trong giá trị chức năng, trong chính ý nghĩa "cho rất nhiều" của tình yêu:

"Bàn tay em , gia tài bé nhỏ

Em trao anh cùng với cuộc đời em"

Chịu sự chi phối của hiện thực được nói tới trong tác phẩm, hệ thống cảm xúc của nhà thơ, "Bàn tay" trong thơ tình Xuân Quỳnh còn có xu hướng biểu trưng hoá thành "người thừa hành của tình yêu" với chức năng giao cảm.

Tình yêu không chỉ thể hiện ở sự chăm chú, giữ gìn, ở những hành động cụ thể mà xảy ra trong thế giới vi mô của những rung cảm tâm hồn nữa.

Cũng bởi sự chi phối của tình yêu bởi "bàn tay" đã trở thành phương tiện thể hiện tình cảm đó, nên nhiều khi nó được đồng nhất với tình yêu, trở thành biểu tượng tình yêu, trong tâm lý sử dụng ngôn ngữ của loài người và cũng trên cơ sở ấy, bàn tay như bỗng có trái tim, có thể cảm nhận được vui, buồn, hạnh phúc, tỏ bày được sự tin yêu. Ý nghĩa biểu trưng của từ được hình thành dựa trên nét nghĩa cơ sở mang tính chất tiềm năng này.

Thực ra, ý nghĩa này khá gần gũi với ý nghĩa biểu trưng về "bàn tay" trong truyền thống văn hoá dân tộc - nhân loại. Tuy nhiên cũng chính ở nét này, Xuân Quỳnh đã gia tăng thêm những ý nghĩa liên hội mang sắc thái cá nhân, thời đại của mình:

"Dưới hai hàng cây

Tay ấm trong tay

Cùng anh sóng bước"

(Chối biếc)

"Tay ta nắm lấy tay người

Dấu cho trăm tuổi ngàn đời cũng qua"

(Hát ru)

"Tay trong tay"- Xuân Quỳnh rất hay dùng kết hợp từ mang tính thành ngữ dân gian này. Nhưng nghĩa phổ biến của nó trong dân gian chỉ là biểu tượng của sự tin tưởng gần gũi. Với Xuân Quỳnh, nó còn là hạnh phúc, buồn vui của tình yêu, và chị cảm nhận tinh tế thông minh về nó. Bàn tay ở đây đã trở thành một hàn thử biểu để định lượng về tình yêu. "Tay trong tay" là cảm giác thuộc về nhau, hoà tan vào một không còn khoảng cách, chia xa, là biểu tượng của sự gắn bó, nương tựa của cái tôi Xuân Quỳnh vào một cái tôi khác để mà sống được trong cuộc đời, chày trôi, phiêu bạt. Với con người luôn coi khát vọng tình yêu là khát vọng hàng đầu, luôn khao khát sự tuyệt đích hoà hợp trọn vẹn trong tình yêu như Xuân Quỳnh thì điều đó hiển nhiên trở thành hạnh phúc, là biểu tượng cho hạnh phúc trong tình yêu.

"Bàn tay" trong "Chôi biếc" - bài thơ trong tập thơ đầu còn nguyên cái duyên thơ ngây, tươi mới của Xuân Quỳnh là một trường hợp để lại nhiều ấn tượng cho người đọc.

"Tay trong tay" vẫn là kết hợp có tính chất truyền thống mà chúng ta đã phân tích ở trên. Vật chứa đựng và vật được chứa đựng bình đẳng với nhau về thể chất, gần như hoà đồng. Mặc dù trong tiền giả định giao tiếp có hàm ẩn dấu hiệu phân biệt giữa hai đối tượng: tay anh và tay em, song trong ấn tượng của người đọc dường như chỉ có một và tác giả dường như cũng có dụng ý cho điều đó. Đặt hai đơn vị bình đẳng đó cạnh nhau để tạo nên ấn tượng về sự đồng nhất. Và sự đồng nhất đó là biểu tượng của gắn bó - phương tiện để "tái lập trong tâm hồn nhà văn, chính cái cảm giác mà tác giả đã có" (Antônốp - Dẫn theo Vinó-gradốp - "Tháng mười năm 1961")

Cũng không phải chỉ riêng kết cấu "tay trong tay" nói lên ý nghĩa ấy. Cả bài thơ với những tín hiệu khác trong hệ thống những tín hiệu ngôn ngữ trong ngữ cảnh, trong quan hệ dọc và ngang với tín hiệu "tay" đều cùng chịu sự quy định của cảm xúc tình yêu, hạnh phúc vì gắn bó ấy của nhà thơ. Suốt dọc khổ thơ là những cấu trúc sóng đôi bao gồm hai đơn vị đặt trong mối tương quan liên kết với nhau: "hai hàng cây",

"tay trong tay", "cùng", "sóng bước". Bao hàm tiên giả định về hai chủ thể: "chồi biếc trên cây"... "lá vàng" cánh bướm"... Sự sắp xếp kế tiếp một loạt cấu trúc sóng đôi này gợi ra ý niệm về sự dồi dào, về một năng lực tiềm tàng vô tận " sức sống của tuổi trẻ và tình yêu, của sự vững bền, gắn bó. Trên trường hình tuyền, chúng ta cũng thấy trong từng trích đoạn, các sự vật đều nằm trong thế đối ngẫu với nhau, trong một sự định vị đầy hàm ý: "hai hàng cây" trong bản thân nội tại phiến đoạn của nó đã bao hàm một sự đối xứng trong quan hệ. Nó lại làm thành không gian cho một cặp đối ngẫu khác "tay ấm trong tay". Đáng lưu ý ở đây là hình dung từ "ấm". Trong trường hợp này nó có hướng thiên về động từ nhiều hơn và nằm trong xu thế bị động. Nếu có là tính chất vốn có của "tay" thì có lẽ đã không có gì đáng nói. Nhưng trong kết hợp này dường như sự "ấm" là kết quả của tác động "tay trong tay" ấy. Những từ "cùng", "sóng" bước kết hợp với nhau ở nét nghĩa: đòi hỏi hai chủ thể, cùng có tác dụng khắc sâu hơn ấn tượng về cấu trúc sóng đôi. "Nắng" và "mái tóc" có quan hệ với nhau ở nét trẻ trung, tinh nghịch, hồn nhiên qua động từ "đùa". Riêng "chồi biếc trên cây" đã trở thành một hình tượng tươi thắm mãi trong thơ Xuân Quỳnh. Có lẽ một phần nhờ sức mạnh của hình dung từ "biếc" được dùng rất "đắt" trong một kết hợp trên. "Chồi xanh", "chồi non" là những kết hợp bình thường nhưng "chồi biếc" với tính từ mang đậm tính chất sắc thái hoá, khiến trong kết hợp, nó trở nên có ý nghĩa như kết quả của sự định vị "trên cây". Và điều đó hoàn toàn trùng hợp với quy luật tự nhiên: chồi ở trên cây mới là "chồi biếc" được và nó được nuôi dưỡng, đắp bồi trên một nguồn sinh lực không bao giờ vơi cạn. Cái màu "biếc" ở đây, ngoài tính chất về màu sắc "xanh" bình thường còn mang thêm nét nghĩa về sự tươi thắm, trẻ trung và vui tươi nữa. Đặt trong khung cảnh vui tươi ấy, khung cảnh trong tâm trạng tràn đầy hy vọng và cảm giác về hạnh phúc của tình yêu, - ngay cả những "chiếc lá vàng" cũng không buồn thảm, thê lương mà "bay bay"- "như ngàn cánh bướm" một cách mãn nguyện, hồn nhiên.

Trong logic cảm xúc của cô gái trẻ mới bước vào con đường xa ngái, đầy bí ẩn và hấp dẫn của mê lộ tình yêu -cô gái với những khát khao, hy vọng, niềm tin tất cả vẫn ban đầu ấy - thì tiếng reo vui ấy là lẽ đương nhiên. Ngay cả sự làm ra từng trái bằng cách dễ dàng thông cảm

và chấp nhận quy luật khắc nghiệt của tự nhiên ấy cũng chứng tỏ rằng con người ấy vẫn đang rất trẻ, rằng với cô gái ấy mọi điều vẫn đang ở phía trước và cũng chưa có một mất mát, đau thương nào có thể chạm tới cô. Chính vì thế mà cô nhìn sự đổi thay bằng con mắt bao dung, vui tươi, dễ dàng, đôn hậu mà không hề có sự níu kéo, xót xa (như sau này chính cô thường có) lo âu, pháp phồng:

*"Rồi sẽ có ngày
Dưới hàng cây đây
Ta không còn bước
Như người lính gác - đã hết phiên mình
Như lá vàng rụng
Cho chồi thêm xanh"*

Trong tâm trạng ấy, trong cảm xúc của thưở ban đầu "lòng như trời biếc", trong ngữ cảnh, giữa những tín hiệu về những sự vật, sự việc cũng mang sắc thái vui tươi, tính chất gắn bó, vững bền như thế, bàn tay lại ở trong tay ấy đã trở nên có hồn. Nó như điệu nhạc về sự gắn bó, thuỷ chung, sự vững bền, hạnh phúc. Đó là ý nghĩa khái quát nghệ thuật từ tín hiệu.

Bàn tay trong thơ Xuân Quỳnh còn có xu hướng trở thành người thừa hành của "tình yêu" trong dự cảm lo âu và ý thức giữ gìn hạnh phúc. Với Xuân Quỳnh, khi "tay ở trong tay" sẽ nghe được tiếng tim mình đập. Bàn tay có sự thông minh, tinh tế của tâm hồn bởi nó biết rung cảm với từng động thái dù nhỏ nhất của tình yêu, nó hiểu cả những xao động tinh vi đến tưởng chừng không có thật và khó mà diễn tả thành lời. Đó là khi :

*"Bàn tay em trong tay anh xiết chặt
Ta đi theo tuổi trẻ của ta
Ta đi như từ những ngày xưa
Như những ngày sau ta còn đi thế
Anh bước nhanh, kéo em theo vội vã
Đường sợ không đến được nơi em
Sợ không tới được cùng hạnh phúc"*

*Chợt ta gặp sự lạ lùng trong ánh mắt
Khi nhìn nhau tay vẫn nắm trong tay
Như ta nhìn thành phố đêm nay
Tuy không xa nhưng mà rất lạ"*

(Thành phố lạ)

"Tay trong tay" có thể là tin cậy và hạnh phúc. Nhưng cũng có khi lại là cảm giác hẫng hụt và quá sức là lời nhắc nhở trong sự ngỡ ngàng, trong một thoáng quay nhìn lại, một thoáng "lạ" với chính mình và những gì tưởng chừng gần gũi thân quen thuộc nhất. Sự đa dạng của các nét nghĩa tiềm tàng khác nhau trong ngôn cảnh khác nhau cũng phản ánh sự tinh tế đa dạng, sự phong phú của cảm xúc trong chính tâm hồn nhà thơ. Chính ở điểm này, Xuân Quỳnh bắt gặp cảm giác của Xuân Diệu - cảm giác rợn ngợp và quá sức khi nhìn vào nghịch lý của tình yêu: tình yêu và người yêu - cái hữu hạn và cái vô cùng tận. Gần gũi, gần bó là thế, mà rồi cũng có khi "*em là em, anh vẫn cứ là anh. Có thể nào qua Vạn lý trường thành. Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật*". Còn biết bao điều lạ lẫm trong cái rất quen thân, rất là gần gũi, cái như nắm chắc trong bàn tay của mình. Chính vì thế mà tình yêu và người yêu vẫn luôn là một thế giới mới lạ và hấp dẫn, mà nó mãi mãi là vùng vương quốc diệu kỳ đầy bí ẩn và đầy sức cuốn hút, mà mặc dù: "*Em biết đấy là điều đã cũ. Chuyện tình yêu quan trọng gì đâu*" mà Xuân Quỳnh vẫn suốt đời thiết tha, suốt đời khát vọng. Cũng chính vì thế mà trong thơ cũng như trong cuộc sống, Xuân Quỳnh luôn có ý thức trân trọng, tận hưởng, nâng niu, giữ gìn từng giây phút sống và yêu, quý trọng vô cùng cái hạnh phúc bình dị mà hiện thực cầm trên tay ấy - một điều rất gần với quan niệm tình yêu, chân lý tình yêu của dân gian, của ca dao và dân ca. Hạnh phúc không vĩnh hằng càng không thể nào ảo tưởng. Dù bình dị, nhỏ nhoi nhưng là có thật. Và hãy biết quý trọng, giữ gìn cái gì có thật trong tay... Đường viên cảm xúc này làm thành một từ trường bao bọc xung quanh các tín hiệu ngôn ngữ, tạo nên quang sáng riêng của nó khiến cho vẫn là những từ ngữ ấy mà lại lấp lánh những màu sắc mới lạ của những ý nghĩa mang tính chất thẩm mỹ cũng vẫn là bàn tay - bộ phận cơ thể của con người theo đúng nghĩa đầu tiên của nó. Vẫn là tay trong kết hợp từ tay trong tay. Vậy mà, nhờ tìm đến quan hệ cảm xúc

đến cảm xúc chủ đạo của nhà thơ trong hoàn cảnh riêng này, và đặt trong quan hệ với những tín hiệu xung quanh: "xiết chặt", "kéo", "vội vã", "lạ lùng", "sợ"... chúng ta có thể cảm nhận bằng tiềm thức "nhanh như chớp" cái cảm giác mà tác giả đã có. Bàn tay ở đây không nổi bật ý nghĩa về sự tin tưởng, hạnh phúc nữa mà hiện thực hoá một nét nghĩa tiềm năng khác: bàn tay lo âu, níu kéo, giữ gìn, che chở cho tình yêu và hạnh phúc, bàn tay cảm nhận được cái hiền hậu, trong cái vô cùng, vô tận, vô biên. Và động tác "nắm" hay "xiết chặt" không còn là động tác xác nhận lại niềm hạnh phúc mà là động tác bản năng níu kéo, giữ gìn, động tác thôi thúc bởi tình cảm lo âu, gắng sức. Có một linh cảm về một điều bất ổn chạy nhanh suốt các giác quan, và để lại dấu ấn trên từng phương tiện ngôn ngữ. Trong ngữ đoạn, tồn tại một loạt từ biểu thị cảm giác lo lắng và gắng sức "xiết chặt", "đi theo", "kéo", "vội vã", "sợ không kịp", "sợ không tới được"... Bên cạnh đó là những tín hiệu xác nhận nỗi lo âu ấy, dự cảm về một sự đổi thay xa lạ tinh vi. Đó là sự dịch chuyển của thời gian qua sự đối lập giữa hai tín hiệu: "ngày xưa" và "ngày sau" là "tuổi trẻ", "tuổi thanh niên" được nhắc đi nhắc lại về sự hữu hạn nhất thời của nó. Kết hợp với nó là những tín hiệu "nơi em", "hạnh phúc". Và ý nghĩa về thời gian của các tín hiệu trên cũng ảnh hưởng đến ý nghĩa tín hiệu này. Trong hệ ngang của chuỗi ngữ lưu nó được kết hợp với "sợ" và "không kịp". Tất cả tạo thành cảm giác về sự nuối tiếc, lo âu. Điều đó còn được bộc lộ trong con mắt nhìn sự vật của bản thân nhân vật trữ tình - cái nhìn thành phố trong sự phân biệt tinh táo: "*Tuy không xa nhưng mà rất lạ*". Người ta thường kết hợp hai tín hiệu đó với nhau, bởi nó gần như có quan hệ nhân quả "xa" cho nên "lạ". Song ở đây, tác giả có ý thức phân biệt chúng, bởi nó được đo theo một thang giá trị khác: có cái "lạ" ở ngay trong cái rất quen, rất gần. Đó là cái "lạ" về định tính. Như thành phố mà chị bao lần đến, thuộc từng vườn hoa, ghé đá, con đường... Như đôi mắt của người yêu chợt gặp "ánh lạ lùng", nơi không thể nào vươn tới được, nơi khó mà cầm giữ được trên tay - và đặt trong mối tương quan đó "bàn tay em trong tay anh xiết chặt" vẫn là hai thực thể tách rời. Sự kết hợp này có nét khác biệt so với kết hợp "tay trong tay" thường gặp ở Xuân Quỳnh mà ta đã nói ở trên. Ở những kết hợp đó, thường không có những từ hạn định cho "tay", không cần làm rõ nghĩa "tay em" hay là "tay anh". Sự mập mờ, đồng nhất đó càng có được

bao nhiêu càng tốt vì nó càng đặc dụng trong việc trong việc thể hiện sự giao cảm và gắn bó. Còn trong kết hợp này có sự phân biệt bởi các từ phụ trợ, hạn định nghĩa cho danh từ: "tay em" và "tay anh". Như vậy là có hai thực thể tách rời, cho dù có "xiết chặt" đi chăng nữa. Và "khi nhìn nhau tay vẫn nắm trong tay", nhưng lại "gặp sự lạ lùng trong ánh mắt" thì sự cách biệt đó càng thêm rõ rệt, càng lớn dần lên.

Mối quan hệ qua lại, điều chỉnh ngữ nghĩa giữa các tín hiệu trong ngữ cảnh và sự cộng hưởng của cảm xúc đan quyện vào nhau tạo thành môi trường xác định ý nghĩa, "trung tâm giao cảm" của bàn tay mà chúng tôi gọi là "người thừa hành tình yêu trong chức năng cảm nhận". Bàn tay làm nhiệm vụ của trái tim, bàn tay dự cảm được những giới hạn và mất mát, cũng như niềm hạnh phúc gắn bó của tình yêu, chở che, giữ gìn, vun đắp nó - bàn tay tâm hồn. Ý nghĩa này trở thành ý nghĩa hàng đầu, bao trùm hàng loạt lần xuất hiện của "bàn tay" trong thơ Xuân Quỳnh trong khi ý nghĩa "biểu tượng của lao động cụ thể" bị đẩy xuống hàng thứ yếu và gần như bị triệt tiêu. Ý nghĩa hệ thống này chỉ còn là cái vỏ hình thức cho ý nghĩa có tính chất khái quát nghệ thuật trên thể hiện. Và sự thống nhất giữa hai mặt đó là lý do tồn tại cho tín hiệu.

"Bàn tay" trong thơ tình Xuân Quỳnh xuất hiện với một tầm số đáng kể, để lại ấn tượng cho người đọc như một hình tượng, ám ảnh nghệ thuật. Qua việc khảo sát từ nhiều trường hợp cụ thể và đi vào phân tích ngữ nghĩa tín hiệu trong mối quan hệ với các nhân tố thẩm mỹ, chúng tôi thấy đó thực sự là một tín hiệu ngôn ngữ có ý nghĩa khái quát nghệ thuật cao, thể hiện quan niệm nghệ thuật của nhà thơ khá rõ ràng.

Tuy nhiên, giá trị thẩm mỹ của nó là giá trị của một yếu tố nằm trong hệ thống riêng của nó. Giá trị đó là do hệ thống mà nó là một thành viên quy định. "Bàn tay" mang giá trị thẩm mỹ ở đây là "bàn tay" đặt trong hệ thống cảm xúc của Xuân Quỳnh giữa các tín hiệu khác trong văn bản, chịu sự điều chỉnh ngữ nghĩa của nó và ứng với hiện thực mà nhà thơ đề cập tới. Trong sự quy định tương tác của các nhân tố này, "bàn tay" đã trải qua một quá trình phi định danh hoá, rời xa ý nghĩa hệ thống của nó để đạt tới ý nghĩa biểu trưng nghệ thuật: người thừa hành của tình yêu. Ý nghĩa này khá xác định và phổ biến trong hệ thống thơ

thơ Xuân Quỳnh, tuy trong các trường hợp cụ thể, nó có thể có những biến dạng khác đi, như những biến thể của cùng hằng thể. Một điều dễ nhận thấy là tín hiệu thẩm mỹ này có được giá trị thẩm mỹ ít khi nhờ hình thức chuyển nghĩa ẩn dụ, hoán dụ, ví von..., nhờ những biện pháp tu từ như đa số các trường hợp khác, những tín hiệu thẩm mỹ cố định trong truyền thống. Giá trị thẩm mỹ của nó cũng không là giá trị biểu trưng nội tại của từ. Giá trị thẩm mỹ của nó chủ yếu được hình thành theo phương thức kết hợp, trong những kết hợp hình tuyến độc đáo của chuỗi ngữ lưu, chịu sự quy định mạnh mẽ của lối tư duy, xúc cảm riêng của Xuân Quỳnh.

Là một tín hiệu mang ý nghĩa thẩm mỹ, song trong thơ Xuân Quỳnh, trước hết đó vẫn là bàn tay với ý nghĩa đầu tiên của nó. Đó là bàn tay biết khép cửa khi trời mưa lạnh, biết "phơi mền vá áo cho anh", biết "cắm hoa" và "treo tranh", biết "thắp sáng ngọn đèn đêm anh đọc"... Song đồng thời cũng phát triển trên cơ sở nét nghĩa này "nét nghĩa về sự chở che, chăm sóc, giữ gìn, dựng xây, vun vén" của bàn tay, biểu tượng của lao động cụ thể của con người, "bàn tay" lại đồng thời mang một ý nghĩa cao hơn ý nghĩa ban đầu ấy, khi nó có thể làm được những công việc vượt quá khả năng của bàn tay thông thường: "em nhẹ nhàng xoa dịu nỗi đau" và góp nhặt tình yêu từ mọi ngả"... bàn tay đó là bàn tay huyền nhiệm. Nếu như logic tự nhiên không thể chấp nhận được nó thì logic cảm xúc lại tạo cho nó một không gian rộng lớn để có thể sinh tồn. Đó là bàn tay thấm đượm màu sắc diệu kỳ, bí ẩn của tình yêu, của thế giới cảm xúc. Cứ thế bàn tay hiện thực "bộ phận cơ thể con người và bàn tay huyền diệu", bàn tay của trái tim, tình yêu cứ quấn quện đan chồng vào với nhau khó mà phân biệt và những nút dây quan hệ này chính là cơ sở tạo thành nét nghĩa biểu trưng có tính chất khái quát, tạo thành ý nghĩa thẩm mỹ cho tín hiệu: bàn tay trở thành một giá trị, một của cải quý giá - một gia tài. Và cho dù được tạo thành bởi phương thức chuyển nghĩa hay biện pháp tu từ nào, thể hiện ý nghĩa thẩm mỹ theo khuynh hướng nào trong các biến thể cụ thể, thì "bàn tay" với tư cách tín hiệu mang giá trị biểu trưng nghệ thuật trong thơ Xuân Quỳnh vẫn là kết quả của một quá trình biểu trưng hoá nghệ thuật, trong sự chi phối của các quan hệ với các nhân tố thẩm mỹ, đặc biệt là nhân tố cảm xúc hoàn cảnh

giao tiếp rộng, trong đó yếu tố thời đại cũng có ảnh hưởng rõ rệt đến sự hình thành tín hiệu. "Bàn tay" như một giá trị trong thơ Xuân Quỳnh phải chăng có nguồn gốc từ cách nhìn nhận đánh giá chung của lịch sử một thời: trả lại giá trị chân chính cho lao động, đề cao lao động, hào hứng lao động dựng xây đất nước và coi lao động là "thước đo phẩm giá con người", là "nguồn sống, nguồn hạnh phúc". Chịu sự quy định sâu sắc của thế giới tư tưởng cảm xúc, quan niệm nghệ thuật của nhà thơ luôn sống hết mình vì tình yêu; coi tình yêu, hạnh phúc gia đình như một trong những giá trị đáng kể nhất của cuộc sống, "bàn tay" trong thơ Xuân Quỳnh cũng tìm thấy giá trị của nó trong lao động, nhưng đó là lao động rất Xuân Quỳnh: lao động dựng xây và giữ gìn tình yêu, hạnh phúc gia đình - lao động mang đặc trưng thiên tính nữ. Người tình vị tha, say đắm, thiết tha, chung thủy, khao khát sự hoà hợp, gắn bó trong tình yêu ở Xuân Quỳnh cũng hiện lên qua đó. Có thể coi mỗi tín hiệu thẩm mỹ như vậy là một lăng kính nhỏ để nhìn ra gương mặt nhà thơ, như cái cây mỏng manh mà khiến người ta thấy được sự xanh tươi rộng lớn của rừng... Âu đó cũng là một điểm tựa mà ngôn ngữ học có thể góp cho nghiên cứu văn học, một cơ sở không thể phủ nhận của một khuynh hướng thân thiện và hợp tác giữa ngôn ngữ và văn học - khuynh hướng nghiên cứu mang tính chất liên ngành đang được đặt ra trong những năm gần đây.

Đi vào thực hành khảo sát ở một tác giả thơ hiện đại, qua một tín hiệu mang ý nghĩa thẩm mỹ có tính chất cá nhân, chúng tôi mong muốn cũng nhả từ góc độ ngữ nghĩa học, góp được đôi điều về đặc trưng ngôn ngữ của một tác giả thơ mà mình yêu thích, cũng như về một cách tiếp cận văn học. Với Xuân Quỳnh, nhà thơ nữ ưu tú bậc nhất của nền thơ Việt Nam hiện đại - nhà thơ đã mất đi trong niềm thương tiếc của triệu triệu người yêu thơ chị, trong sự ân hận của các nhà phê bình vì chưa có một công trình nghiên cứu nghiêm túc về thơ chị, việc tìm hiểu những tín hiệu thẩm mỹ đặc biệt trong thơ Xuân Quỳnh, góp một cơ sở cho việc nghiên cứu phong cách nhà thơ nữ tài hoa này, xin được coi là một nén tâm hương của chúng tôi - những độc giả yêu mến Xuân Quỳnh, thấp cho hương hồn của chị.